



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY SẢN SỐ 1**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>14 - 36</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>37</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần thủy sản số 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 55.832.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 08 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là SJ1.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : (84 – 8) 3974 1135  
Fax : (84 – 8) 3974 1280  
E-mail : info@seajoco.vn  
Mã số thuế : 0302047389

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Trong năm Công ty phát hành 1.733.200 cổ phiếu phổ thông nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.

Lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước do số lượng bán tăng và thu nhập từ cho thuê mặt bằng tăng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 26 tháng 4 năm 2014 như sau:

Trích lập các quỹ	1.479.651.308	VND
Chia cổ tức	6.545.000.000	VND
<b>Cộng</b>	<b>8.024.651.308</b>	<b>VND</b>

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	01 tháng 7 năm 2011	-
Ông Ngô Đức Dũng	Phó Chủ tịch	07 tháng 5 năm 2010	-
Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	07 tháng 5 năm 2010	-
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên	24 tháng 10 năm 2011	-
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thanh	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	26 tháng 4 năm 2014
Bà Lại Thị Giáo	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên	14 tháng 9 năm 2013	-

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2014	-
Ông Trần Đức Dũng	Tổng Giám đốc	04 tháng 10 năm 2013	16 tháng 6 năm 2014
Bà Tô Thị Kim Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 01 năm 2014	-
Bà Đinh Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 01 năm 2014	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

34738  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỦY SẢN  
SỐ 1  
TP. HỒ

0944  
ÔNG  
NHẬN  
TOÁN V  
A &  
H.T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản số 1 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Trần Văn Hậu**  
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0230/2015/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thủy sản số 1, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản số 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

**Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>216.548.264.559</b>	<b>147.510.416.483</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.682.268.212</b>	<b>1.916.469.905</b>
1. Tiền	111		5.682.268.212	1.916.469.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	19.000.000.000	14.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.259.018.056</b>	<b>66.466.446.245</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	76.023.762.336	46.051.995.539
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	29.498.401.788	20.211.300.662
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	736.853.932	203.150.044
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>81.558.967.437</b>	<b>56.823.928.413</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	81.558.967.437	56.823.928.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.048.010.854</b>	<b>8.303.571.920</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	262.361.871	250.059.268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.745.648.983	7.761.653.276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	231.859.376
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	40.000.000	60.000.000



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.150.765.101</b>	<b>86.987.527.967</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>189.747.500</b>	<b>240.520.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.9	189.747.500	240.520.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>83.012.327.884</b>	<b>83.074.838.710</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	66.474.638.591	66.316.311.982
<i>Nguyên giá</i>	222		93.376.354.686	91.786.057.442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.901.716.095)	(25.469.745.460)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.130.636.298	14.477.151.442
<i>Nguyên giá</i>	228		15.430.874.495	15.430.874.495
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.300.238.197)	(953.723.053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2.407.052.995	2.281.375.286
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>225.500.000</b>	<b>225.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	225.500.000	225.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.723.189.717</b>	<b>3.446.669.257</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.723.189.717	3.446.669.257
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>301.699.029.660</b>	<b>234.497.944.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>174.870.481.112</b>	<b>133.543.813.535</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>174.870.481.112</b>	<b>133.543.813.535</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	138.014.158.658	104.093.333.788
2. Phải trả người bán	312	V.16	19.630.097.829	11.321.901.685
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.154.270.684	270.728.404
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.963.634.409	2.109.765.564
5. Phải trả người lao động	315	V.19	6.059.589.295	6.258.852.272
6. Chi phí phải trả	316	V.20	492.756.440	4.917.873.098
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	4.449.681.371	4.242.191.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	106.292.426	329.167.454
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>126.828.548.548</b>	<b>100.954.130.915</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>126.828.548.548</b>	<b>100.954.130.915</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	55.832.000.000	38.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	29.463.642.688	26.076.197.233
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(10.100.000)	(10.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	11.576.641.178	11.165.626.926
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	4.675.305.496	4.264.291.244
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	25.291.059.186	20.958.115.512
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>301.699.029.660</b>	<b>234.497.944.450</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		140.306,98	41.277,15
Euro (EUR)		257,66	268,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

  
Nguyễn Thị Thanh Vân  
Người lập biểu

  
Dư Thiện Minh Trang  
Kế toán trưởng

  
  
Từ Thanh Phụng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	435.675.511.022	375.915.283.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.027.052.800	1.082.305.616
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	433.648.458.222	374.832.977.924
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	396.994.025.221	341.283.224.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.654.433.001	33.549.753.872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.822.118.216	1.282.240.464
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.163.527.531	5.689.235.509
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.389.885.997	4.835.919.066
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.438.862.220	12.127.624.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.800.881.979	11.011.491.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.073.279.487	6.003.643.241
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.414.979.951	5.277.273.195
12. Chi phí khác	32	VI.8	582.453.838	46.274.184
13. Lợi nhuận khác	40		6.832.526.113	5.230.999.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.905.805.600	11.234.642.252
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	3.548.210.618	3.014.357.210
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.357.594.982</u>	<u>8.220.285.042</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.597</u>	<u>2.136</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

  
 Nguyễn Thị Thanh Vân  
 Người lập biểu

  
 Đư Thiện Minh Trang  
 Kế toán trưởng

  
  
 Từ Thanh Phụng  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.905.805.600	11.234.642.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	6.255.734.877	5.664.414.774
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	224.564.191	(41.301.005)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(1.816.366.775)	(1.167.617.881)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.389.885.997	4.835.919.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.959.623.890	20.526.057.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.722.378.348)	(27.753.207.166)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.735.039.024)	(7.301.999.370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.428.686.850	5.174.643.073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.711.176.937	375.823.893
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4, V.20	(7.200.129.557)	(4.835.919.066)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(4.137.697.600)	(2.816.091.490)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.22	(880.497.832)	(2.876.273.621)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(27.576.254.684)</b>	<b>(19.506.966.541)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, VII	(13.026.677.527)	(8.211.245.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.024.720.547	259.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(15.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	532.886.178	935.526.972
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.469.070.802)</b>	<b>(14.016.627.924)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.23	20.719.445.455	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.100.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	410.718.658.617	395.326.076.277
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(377.096.988.696)	(357.139.888.488)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(6.527.787.000)	(3.834.486.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>47.813.328.376</i></u>	<u><i>34.341.601.289</i></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.768.002.890</b>	<b>818.006.824</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.916.469.905</b>	<b>1.098.463.081</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.204.583)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>5.682.268.212</b></u>	<u><b>1.916.469.905</b></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Người lập biểuDư Thiện Minh Trang  
Kế toán trưởngTư Thanh Phụng  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Bán buôn tổng hợp; Lắp đặt hệ thống điện; Chế biến và bảo quản rau quả; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 634 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 749 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Trong năm Công ty phát hành 1.733.200 cổ phiếu phổ thông nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.  
Lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước do số lượng bán tăng và thu nhập từ cho thuê mặt bằng tăng.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

### 6. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (44 năm).

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 08 năm.

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phân xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY SÀN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 14. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY SÀN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.075 VND/USD  
31/12/2014 : 21.358 VND/USD

### 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## 20. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	60.473.460	859.409.006
Tiền gửi ngân hàng	5.621.794.752	1.057.060.899
<b>Cộng</b>	<b><u>5.682.268.212</u></b>	<b><u>1.916.469.905</u></b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	19.996.796.386	5.755.484.318
Công ty TNHH Lotteria Việt Nam	2.790.486.600	2.667.987.080
BML Food Group Hollan B.V	2.306.397.025	4.150.194.375
Shokuryu Co., Ltd	2.444.547.282	-
Công ty TNHH Hùng Cá	-	653.326.025
Các khách hàng khác	48.485.535.043	32.825.003.741
<b>Cộng</b>	<b><u>76.023.762.336</u></b>	<b><u>46.051.995.539</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Docifish	5.003.936.000	-
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Hùng Hậu	6.483.392.025	-
Công ty TNHH Hoàn Kim	3.282.223.700	-
Công ty cổ phần Vạn Ý	-	4.635.900.000
Công ty TNHH kỹ thuật cơ điện M & E	-	224.264.000
Các nhà cung cấp khác	14.728.850.063	15.351.136.662
<b>Cộng</b>	<b>29.498.401.788</b>	<b>20.211.300.662</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	386.500.043	203.000.000
Phải thu lãi cho vay	350.353.889	-
Phải thu khác	-	150.044
<b>Cộng</b>	<b>736.853.932</b>	<b>203.150.044</b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	38.478.935.631	36.941.198.351
Công cụ, dụng cụ	1.479.129.590	1.378.579.914
Thành phẩm	39.734.479.991	12.707.375.450
Hàng gửi đi bán	1.866.422.225	5.796.774.698
<b>Cộng</b>	<b>81.558.967.437</b>	<b>56.823.928.413</b>

Thành phẩm tồn kho với giá trị ghi sổ không thấp hơn 1.500.000 USD đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội.

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	183.271.028	57.063.332
Chi phí bảo hiểm	79.090.843	117.555.284
Công cụ, dụng cụ	-	8.157.939
Chi phí khác	-	67.282.713
<b>Cộng</b>	<b>262.361.871</b>	<b>250.059.268</b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

Nhân viên tạm ứng.

### 9. Các khoản phải thu dài hạn khác

Khoản cho nhân viên mượn để mua cổ phần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	51.540.940.388	33.341.966.484	4.723.450.698	2.179.699.872	91.786.057.442
Mua sắm mới	5.429.665.741	846.849.900	-	-	6.276.515.641
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	66.124.583	-	-	-	66.124.583
Thanh lý, nhượng bán	(3.442.106.540)	(418.000.000)	(892.236.440)	-	(4.752.342.980)
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.594.624.172</b>	<b>33.770.816.384</b>	<b>3.831.214.258</b>	<b>2.179.699.872</b>	<b>93.376.354.686</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.090.497.132	3.119.151.347	2.486.031.986	88.147.318	6.783.827.783
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	8.798.340.728	11.914.434.993	4.169.264.496	587.705.243	25.469.745.460
Khấu hao trong năm	2.036.077.867	3.243.143.337	205.347.048	424.651.481	5.909.219.733
Thanh lý, nhượng bán	(3.371.288.603)	(213.724.055)	(892.236.440)	-	(4.477.249.098)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.463.129.992</b>	<b>14.943.854.275</b>	<b>3.482.375.104</b>	<b>1.012.356.724</b>	<b>26.901.716.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	42.742.599.660	21.427.531.491	554.186.202	1.591.994.629	66.316.311.982
<b>Số cuối năm</b>	<b>46.131.494.180</b>	<b>18.826.962.109</b>	<b>348.839.154</b>	<b>1.167.343.148</b>	<b>66.474.638.591</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 67.499.630.165 VND và 49.710.766.900 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	15.147.774.495	283.100.000	15.430.874.495
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.147.774.495</b>	<b>283.100.000</b>	<b>15.430.874.495</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	932.957.578	20.765.475	953.723.053
Khấu hao trong năm	311.127.648	35.387.496	346.515.144
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.244.085.226</b>	<b>56.152.971</b>	<b>1.300.238.197</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	14.214.816.917	262.334.525	14.477.151.442
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.903.689.269</b>	<b>226.947.029</b>	<b>14.130.636.298</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.689.616.495 VND và 12.445.531.269 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	1.878.034.091	592.149.663	(66.124.583)	(115.226.180)	2.288.832.991
<i>Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza</i>	<i>1.878.034.091</i>	-	-	-	<i>1.878.034.091</i>
<i>Xây dựng nhà tiền chế Củ Chi (nhà máy Tân Phú Trung)</i>	-	<i>526.025.080</i>	-	<i>(115.226.180)</i>	<i>410.798.900</i>
<i>Xây dựng thi công công hàng rào 1004</i>	-	<i>66.124.583</i>	<i>(66.124.583)</i>	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	403.341.195	118.220.004	-	(403.341.195)	118.220.004
<b>Cộng</b>	<b>2.281.375.286</b>	<b>710.369.667</b>	<b>(66.124.583)</b>	<b>(518.567.375)</b>	<b>2.407.052.995</b>

## 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thủy sản Năm Căn	15.952	159.520.000	15.952	159.520.000
Công ty cổ phần bao bì thủy sản	6.598	65.980.000	6.598	65.980.000
<b>Cộng</b>		<b>225.500.000</b>		<b>225.500.000</b>

## 14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	2.425.903.675	366.673.814	(1.403.362.618)	1.389.214.871
Công cụ dụng cụ	1.020.765.582	-	(686.790.736)	333.974.846
<b>Cộng</b>	<b>3.446.669.257</b>	<b>366.673.814</b>	<b>(2.090.153.354)</b>	<b>1.723.189.717</b>

## 15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	89.754.199.719	65.995.595.002
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(b)</sup>	33.370.308.976	38.097.738.786
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) <sup>(c)</sup>	7.091.089.963	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín <sup>(d)</sup>	7.798.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>138.014.158.658</b>	<b>104.093.333.788</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm (xem thuyết minh số V.2) và thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm (xem thuyết minh số V.2).

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất của bên thứ 03.

#### Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	104.093.333.788
Số tiền vay phát sinh	410.718.658.617
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	299.154.949
Số tiền vay đã trả	<u>(377.096.988.696)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>138.014.158.658</u></b>

#### 16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại Đức Anh	2.801.061.910	329.466.144
Công ty TNHH thương mại Đông Gò	2.392.210.700	97.850.078
Công ty TNHH Hùng Cá	1.763.136.500	5.871.827.525
Công ty TNHH một thành viên thủy sản Diệp Nga	1.714.580.111	-
Doanh nghiệp tư nhân Tấn Lực	1.121.185.800	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc	42.322.720	239.644.377
Doanh nghiệp tư nhân Hải Đạt	-	389.273.850
Các nhà cung cấp khác	9.795.600.088	4.393.839.711
<b>Cộng</b>	<b><u>19.630.097.829</u></b>	<b><u>11.321.901.685</u></b>

#### 17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Seafood Connection B.V	801.543.314	-
China Lucky trading limited	352.727.370	-
Sun WAH Marine Products Co., Ltd	-	94.837.500
Các khách hàng khác	-	175.890.904
<b>Cộng</b>	<b><u>1.154.270.684</u></b>	<b><u>270.728.404</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	266.111.711	(266.111.711)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.109.765.564	3.548.210.618	(4.137.697.600)	1.520.278.582
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(231.859.376)	642.722.838	(400.192.210)	10.671.252
Tiền thuê đất	-	4.908.469.455	(1.475.784.880)	3.432.684.575
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.877.906.188</b>	<b>9.382.664.325</b>	<b>(6.296.936.104)</b>	<b>4.963.634.409</b>

(\*) Thuế nộp thừa đầu năm được trình bày ở chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các mặt hàng xuất khẩu	0%
- Các mặt hàng đã qua sơ chế	05%
- Các mặt hàng đã qua chế biến và các dịch vụ khác	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.905.805.600	11.234.642.252
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	310.786.841	499.154.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	(88.362.358)	(6.598.000)
Thu nhập tính thuế	16.128.230.083	11.727.198.553
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>3.548.210.618</b>	<b>2.931.799.638</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu từ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>82.557.572</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>3.548.210.618</b>	<b>3.014.357.210</b>

#### **Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 412 m<sup>2</sup> đất, 1.849,2 m<sup>2</sup> đất và 12.685,2 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với mức lần lượt là 259.200 VND/m<sup>2</sup>/năm, 259.200 VND/m<sup>2</sup>/năm và 36.250 VND/m<sup>2</sup>/năm.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

### 20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền thuê đất	303.000.000	4.917.873.098
Lãi vay	189.756.440	-
<b>Cộng</b>	<b>492.756.440</b>	<b>4.917.873.098</b>

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	197.915.302	181.725.042
Bảo hiểm xã hội	201.699.569	27.612.728
Cổ tức phải trả	50.066.500	32.853.500
Thu góp vốn hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.449.681.371</b>	<b>4.242.191.270</b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	329.167.454
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	657.622.804
Chi quỹ	(880.497.832)
<b>Số cuối năm</b>	<b>106.292.426</b>

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 37.

#### *Cổ tức*

Trả cổ tức năm trước là 6.527.787.000 VND.

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.583.200	3.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.583.200	3.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.583.200	3.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.010	1.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.582.190	3.848.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.582.190	3.848.990
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	435.675.511.022	375.915.283.540
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	434.523.191.978	372.665.697.861
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.152.319.044	2.456.079.024
<i>Doanh thu khác</i>	-	793.506.655
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.027.052.800)	(1.082.305.616)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.027.052.800)	(1.082.305.616)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>433.648.458.222</u></b>	<b><u>374.832.977.924</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	432.496.139.178	371.583.392.245
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	1.152.319.044	2.456.079.024
<i>Doanh thu khác</i>	-	793.506.655

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của thành phẩm cung cấp. Chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	353.615.048.479	263.014.693.005
Chi phí nhân công trực tiếp	33.319.858.741	36.945.667.185
Chi phí sản xuất chung	33.155.870.069	34.091.808.990
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>420.090.777.289</u></b>	<b><u>334.052.169.180</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b><u>420.090.777.289</u></b>	<b><u>334.052.169.180</u></b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(23.096.752.068)	7.231.054.872
<b>Cộng</b>	<b><u>396.994.025.221</u></b>	<b><u>341.283.224.052</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	702.614.621	901.928.972
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.350.111	21.237.743
Lãi cho vay	350.353.889	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	13.771.600	6.598.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	41.301.005
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	958.359.685	311.174.744
Lãi phải thu bán hàng trả chậm	1.784.668.310	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.822.118.216</u></b>	<b><u>1.282.240.464</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.389.885.997	4.835.919.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	224.564.191	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.549.077.343	853.316.443
<b>Cộng</b>	<b><u>9.163.527.531</u></b>	<b><u>5.689.235.509</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	4.066.523.947	4.888.303.286
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.466.778	82.334.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.130.376	134.451.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.080.383.557	4.872.741.108
Chi phí khác	2.126.357.562	2.149.793.671
<b>Cộng</b>	<b><u>11.438.862.220</u></b>	<b><u>12.127.624.490</u></b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.567.736.844	5.148.991.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.996.662	70.721.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.269.793.480	667.680.611
Thuế, phí và lệ phí	623.824.760	575.514.900
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.073.611.587	690.797.963
Chi phí khác	3.158.918.646	3.857.784.793
<b>Cộng</b>	<b><u>10.800.881.979</u></b>	<b><u>11.011.491.096</u></b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.024.720.547	259.090.909
Thu tiền bán phế liệu	45.374.545	124.304.632
Thu tiền cho thuê mặt bằng	5.204.159.440	3.942.092.186
Thu tiền khách hàng hỗ trợ	456.793.761	-
Thu nhập khác	683.931.658	951.785.468
<b>Cộng</b>	<b><u>7.414.979.951</u></b>	<b><u>5.277.273.195</u></b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	275.093.882	-
Chi phí cho thuê mặt bằng	128.645.418	46.274.184
Phạt do vi phạm hợp đồng	72.864.000	-
Chi phí khác	105.850.538	-
<b>Cộng</b>	<b><u>582.453.838</u></b>	<b><u>46.274.184</u></b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.357.594.982	8.220.285.042
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.357.594.982	8.220.285.042
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	4.758.920	3.848.990
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.597</u></b>	<b><u>2.136</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.848.990	3.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(1.010)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 6 năm 2014	909.930	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>4.758.920</u></b>	<b><u>3.848.990</u></b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	356.459.588.856	266.418.979.753
Chi phí nhân công	52.050.445.515	57.760.686.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.255.734.877	5.664.414.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.805.429.603	14.967.134.027
Chi phí khác	12.759.322.637	12.380.069.959
<b>Cộng</b>	<b><u>442.330.521.488</u></b>	<b><u>357.191.284.766</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	187.250	417.638.823
Trả trước cho người bán tiền mua tài sản cố định	6.483.392.025	224.264.000

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

#### *Cam kết góp vốn*

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDKT-2008 ngày 06 tháng 6 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khu phức hợp SJ1 Plaza – Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp tại số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Công ty cam kết sẽ góp 23% tương đương 22.540.000.000 VND trong tổng vốn góp ban đầu của dự án là 98.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.470.382.339	1.562.412.417
Tiền thưởng	262.750.241	537.956.314
<b>Cộng</b>	<b><u>1.733.132.580</u></b>	<b><u>2.100.368.731</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín với số dư nợ gốc tối đa là 7.800.000.000 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.15).

### Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Hùng Cá	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Phó Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Hùng Cá
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Hùng Cá</b>		
Bán hàng	255.647.385	2.304.544.480
Mua hàng	16.537.367.900	80.986.470.568
<b>Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu</b>		
Cho thuê mặt bằng	2.200.000.000	2.600.000.000
Phí lưu kho	6.325.143	132.567.517
Cung cấp hàng bán	55.983.932.117	3.462.748.394

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Hùng Cá</b>		
Phải thu tiền hàng	-	653.326.025
<b>Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu</b>		
Phải thu tiền cung cấp hàng bán	17.796.796.386	5.755.484.318
	2.200.000.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>19.996.796.386</b>	<b>6.408.810.343</b>
<b>Công ty TNHH Hùng Cá</b>		
Phải trả tiền hàng	1.763.136.500	5.871.827.525
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.763.136.500</b>	<b>5.871.827.525</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	249.207.803.994	238.625.544.798
Trong nước	184.440.654.228	136.207.433.126
<b>Cộng</b>	<b><u>433.648.458.222</u></b>	<b><u>374.832.977.924</u></b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

### 4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	483.226.640	483.226.640
Trên 01 năm đến 05 năm	1.932.906.560	1.932.906.560
Trên 05 năm	17.370.236.679	17.854.787.228
<b>Cộng</b>	<b><u>19.786.369.879</u></b>	<b><u>20.270.920.428</u></b>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2000 đến năm 2056 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

### 5. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng tiền trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các nhân viên vay tiền mua cổ phiếu. Các cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	138.203.915.098	-	-	138.203.915.098
Phải trả cho người bán	19.630.097.829	-	-	19.630.097.829
Các khoản phải trả khác	4.353.066.500	-	-	4.353.066.500
<b>Cộng</b>	<b>162.187.079.427</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>162.187.079.427</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	104.093.333.788	-	-	104.093.333.788
Phải trả cho người bán	11.321.901.685	-	-	11.321.901.685
Các khoản phải trả khác	8.950.726.598	-	-	8.950.726.598
<b>Cộng</b>	<b>124.365.962.071</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>124.365.962.071</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.306,98	257,66	41.277,15	268,58
Phải thu khách hàng	468.354,62	-	640.250,00	-
Vay và nợ	(3.869.724,46)	-	(3.196.598,21)	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(3.261.062,86)</b>	<b>257,66</b>	<b>(2.515.071,06)</b>	<b>268,58</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.392.995.611 VND (năm trước giảm/tăng 1.060.102.452 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(55.364.583.642)	(3.869.724,46)	(36.725.026.512)	(3.196.598,21)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(55.364.583.642)</b>	<b>(3.869.724,46)</b>	<b>(36.725.026.512)</b>	<b>(3.196.598,21)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.107.291.673 VND (năm trước giảm/tăng 734.500.530 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất các khoản vay EUR đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể.

### Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (xem thuyết minh số V.2 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 14.000.000.000 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.682.268.212	-	1.916.469.905	-	5.682.268.212	1.916.469.905
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.000.000.000	-	14.000.000.000	-	19.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu khách hàng	76.023.762.336	-	46.051.995.539	-	76.023.762.336	46.051.995.539
Các khoản cho vay	189.747.500	-	240.520.000	-	189.747.500	240.520.000
Các khoản phải thu khác	736.853.932	-	203.150.044	-	736.853.932	203.150.044
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	225.500.000	-	225.500.000	-	225.500.000	225.500.000
<b>Cộng</b>	<b>101.858.131.980</b>	<b>-</b>	<b>62.637.635.488</b>	<b>-</b>	<b>101.858.131.980</b>	<b>62.637.635.488</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	138.014.158.658	104.093.333.788	138.014.158.658	104.093.333.788
Phải trả người bán	19.630.097.829	11.321.901.685	19.630.097.829	11.321.901.685
Các khoản phải trả khác	4.542.822.940	8.950.726.598	4.542.822.940	8.950.726.598
<b>Cộng</b>	<b>162.187.079.427</b>	<b>124.365.962.071</b>	<b>162.187.079.427</b>	<b>124.365.962.071</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

  
Nguyễn Thị Thanh Vân  
Người lập biểu

  
Dư Thiện Minh Trang  
Kế toán trưởng

  
Từ Thanh Phụng  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	38.500.000.000	26.076.197.233	-	10.578.159.306	3.676.823.624	19.055.194.474	97.886.374.637
Mua lại cổ phiếu	-	-	(10.100.000)	-	-	-	(10.100.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.220.285.042	8.220.285.042
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	587.467.620	587.467.620	(2.467.364.004)	(1.292.428.764)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(3.850.000.000)	(3.850.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>38.500.000.000</b>	<b>26.076.197.233</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>11.165.626.926</b>	<b>4.264.291.244</b>	<b>20.958.115.512</b>	<b>100.954.130.915</b>
Số dư đầu năm nay	38.500.000.000	26.076.197.233	(10.100.000)	11.165.626.926	4.264.291.244	20.958.115.512	100.954.130.915
Phát hành cổ phiếu	17.332.000.000	3.387.445.455	-	-	-	-	20.719.445.455
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.357.594.982	12.357.594.982
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	411.014.252	411.014.252	(1.479.651.308)	(657.622.804)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.545.000.000)	(6.545.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>55.832.000.000</b>	<b>29.463.642.688</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>11.576.641.178</b>	<b>4.675.305.496</b>	<b>25.291.059.186</b>	<b>126.828.548.548</b>

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Người lập biểu

Dư Thiện Minh Trang  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015



Từ Thanh Phụng  
Tổng Giám đốc